

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2021/HS-PT

Ngày: 3/6/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Vũ Thị Thu Thủy.**

*Các Thẩm phán:*

**Ông Hoàng Nhật Tân**

**Ông Nguyễn Đình Tiến**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
**Ông Nguyễn Minh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 365/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo **Lê Thu H** và **Bùi Đăng G** do có kháng cáo của bị cáo **Lê Thu H** và **Bùi Đăng G**, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

**1. Bị cáo có kháng cáo: Lê Thu H**, tên gọi khác: P, sinh năm: 2001.ĐKNKTT và nơi ở: Thôn N, xã K, huyện T, TP. Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ văn hoá: 9/12. Họ và tên bố: Lê Xuân L, Sinh năm: 1975. Họ và tên mẹ: Quang Thị T, sinh năm: 1979. Bị cáo là con 1 trong gia đình. Chồng, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2020. Có mặt.

**2. Bị cáo có kháng cáo Bùi Đăng G**, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1993. ĐKNKTT và nơi ở: Thôn Q, xã B, huyện T, Hà Nội, Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 1/12. Con ông: Bùi Đăng Đ (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1970; có vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 2001 có 01 con mới sinh.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 24/7/2018 bị Công an huyện Thanh Oai, Hà Nội xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi Đánh nhau và Đánh bạc, mức xử

phạt: 2.200.000đồng đã nộp phạt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2020 đến ngày 25/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Có mặt.

**Bị hại không có kháng cáo :** Ông **Lê Xuân L**, sinh năm 1975.(Bố đẻ bị cáo H) và Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1949. Cùng trú tại: Thôn N, xã K, T, Hà Nội. Tại phiên tòa có mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo :** Anh Nguyễn Hải D sinh năm 1976, ở số ....., thôn M, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Bố đẻ Lê Thu H là Lê Xuân L sinh năm 1975 đi nằm viện, không có ai ở NH nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 31/8/2020, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và nói chuyện với Bùi Đăng G sinh năm 1993, trú tại thôn Quếch, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, H Nội về nhà H phá két sắt lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, H mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave α biển số: 29X7 - 515.79 của G đi một mình về NH. Khi về đến NH, cổng NH khóa nên H đã trèo tường vào trong NH, lấy 01 con dao dưới bếp rồi đi đến buồng ngủ chỗ để két sắt, dùng dao cạy phá két. Trong khi H phá két, G với H liên lạc với nhau bằng điện thoại thông qua phần ứng dụng tin nhắn trên Facebook, G hướng dẫn H dùng dao và búa phá két. Sau khi phá được két, H lấy được tổng số tiền **23.000.000 đồng**, 02 chiếc nhẫn vàng, 01 lắc vòng tay vàng, 01 đôi hoa tai kèm 01 đôi nụ hoa vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 dây chuyền vàng có hình mặt tượng phật màu đỏ, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 sổ tiết kiệm đều mang tên ông Lê Xuân L. H cho hết tài sản đã trộm cắp được cho vào trong ba lô cá nhân rồi mang đến NH G cất giấu. Đến 18 giờ cùng ngày, G chở H đến cửa Hàng vàng Minh Châu của anh Vũ Văn B sinh năm 1977 ở thôn C, xã B, huyện T, Hà Nội để bán 02 chiếc nhẫn vàng, 01 lắc vòng tay vàng được tổng số tiền **50.000.000 đồng**.

Sau khi bán được số vàng trên, H đưa cho G số tiền **30.000.000 đồng** để nhờ G mua xe máy hộ. Sau đó G dẫn H đến cửa Hng mua bán xe máy cũ của anh Nguyễn Hải D sinh năm 1976, ở số 355, thôn M, xã B, huyện T. Trong khi mua xe, H đứng ngoài còn G vào trong mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số: 29X7 - 473.32 với giá là **17.500.000 đồng**. Sau khi mua xe xong thì G ra báo giá chiếc xe máy này với H là **28.500.000 đồng**, G được hưởng lợi **11.000.000 đồng**. Số tiền còn lại, H tiếp tục dùng để mua 01 chiếc điện thoại Iphone 7 màu đen của anh Nguyễn Văn T sinh năm 1997 ở thôn C, xã B, huyện T với giá **6.800.000 đồng**; mua

01 máy tính xách tay và 01 con chuột máy tính tại siêu thị điện máy xanh ở thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai với giá **10.850.000 đồng**. Ngày 03/9/2020, H đi đến cửa Hng vàng Minh Châu bán 01 đôi hoa tai kèm 01 đôi nẹp hoa vàng được **10.000.000 đồng**, còn 01 dây chuyền vàng và 01 dây chuyền vàng có hình mặt tượng phật màu đỏ sau khi đem bán biết là Hng mỹ ký, không bán được nên H đem vứt 01 dây chuyền vàng ở khu vực cánh đồng thuộc địa phận thôn Chăm, xã Bình Minh; 01 dây chuyền vàng có hình mặt tượng phật màu đỏ thì H dùng để đeo trên cổ. Sau đó H cho G vay nhiều lần với tổng số tiền là **15.200.000 đồng**, số tiền còn lại H và G đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/9/2020, bà à sinh năm 1949 (là bà nội của H) phát hiện kết sắt của gia đình bị cạy phá, mất hết tài sản bên trong và có đơn trình báo Công an xã Kim An. Cùng ngày, H đến Công an xã Kim An đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội. Đến 23 giờ ngày 16/9/2020, Công an xã Kim An bàn giao H và toàn bộ hồ sơ vụ án cho cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Oai để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 17/9/2020, Bùi Đăng G đến Công an huyện Thanh Oai đầu thú và khai nhận về Hnh vi phạm tội của bản thân.

**Tang vật, tài sản thu giữ:** 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đen; 01 chiếc điện thoại Vivo Y11 màu đỏ mận; 01 điện thoại OPPO F11 màu đen; 01 dây chuyền vàng có hình tượng phật màu đỏ; 01 xe máy Honda Wave, biển số: 29X7 - 473.32, số khung: 3908HY853166, số máy: JA39E0833347; 01 giấy đăng ký xe máy biển số 29X7 - 473.32; 01 xe máy Honda Wave, biển số: 29X7- 515.79, số khung: 3919 KY 417 457, số máy: JA 39 E 1287172; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI895034, 01 sổ tiết kiệm số 6719330 tại Ngân Hàng Lienvietpostbank đều mang tên Lê Xuân L; 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Acer; 01 con dao dạng dao vò bằng kim loại đầu tù có chuôi, dài 40cm; Số tiền 15.200.000 đồng do Nguyễn Thị Thu H (vợ của G) giao nộp ngày 23/9/2020; Số tiền 11.00.000 đồng do Bùi Đăng G tự nguyện giao nộp ngày 03/10/2020.

*Tại bản kết luận định giá số 69/KL - HĐĐGTS ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Oai kết luận:*

- Không định giá đối với các tài sản gồm: 01 lắc vòng tay vàng; 02 nhẫn bằng vàng; 01 đôi hoa tai kèm 01 đôi nẹp hoa bằng vàng; 01 dây chuyền mỹ ký màu vàng.

Do tài sản cần định giá không còn hiện vật và tài liệu cung cấp không đủ làm căn cứ định giá.

- Định giá tài sản sau:

+ 01 dây chuyền màu vàng có mặt hình tượng phật tại thời điểm ngày 31/8/2020 có giá trị là 30.000 đồng (dây chuyền này là dây chuyền mỹ ký đã qua sử dụng)

+ 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Đức, kích thước (51x37x85)cm (tài sản đã qua sử dụng) có giá trị: 400.000 đồng.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Tuy chưa có đủ căn cứ định giá tài sản nhưng ông Lê Xuân L và bà Lê Thị C có ý kiến tại thời điểm bị mất trộm thì 01 lắc vòng tay vàng; 02 nhẫn bằng vàng; 01 đôi hoa tai kèm 01 đôi nụ hoa bằng vàng; 01 dây chuyền mỹ ký màu vàng có tổng giá trị là 60.000.000 đồng. Lê Thu H và Bùi Đăng G cũng đồng ý với giá trị nêu trên.

- Ông Lê Xuân L là chủ sở hữu hợp pháp của 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI895034; 01 sổ tiết kiệm số 6719330 tại ngân Hng Lienvietpostbank; 01 dây chuyền vàng có hình tượng phật màu đỏ nên ngày 28/11/2020, cơ quan điều tra tiến hành trao trả các tài sản trên cho ông L.

**Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai đã quyết định:**

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Thu H 24 ( Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bùi Đăng G 15 ( Mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Về dân sự: buộc bị cáo Lê Thu Hà phải trả lại bà Lê thị Chiêu và ông Lê Xuân L là 19.150.000 đồng ( Mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí quyền kháng cáo

Ngày 01/4/2021 bị cáo Lê Thu H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Bùi Đăng G xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo H bổ sung kháng cáo đề nghị xin hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong về dân sự, bị cáo G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bị hại xác nhận số tiền 19.500.000đ trước khi xét xử phúc thẩm mẹ đẻ bị cáo H ( do bố mẹ H đã ly hôn) đã được khắc phục trả cho bị hại xong, bị cáo H cùng đề nghị Tòa án ghi nhận. Đồng thời bị hại cũng xin giảm hình phạt cho bị cáo H và G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tình chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự của các bị cáo tại phiên tòa người bị hại trình bày tại bản án sơ thẩm bị cáo H phải trả bồi đắp và bà nội số tiền 19.500.000đ trước khi xét xử phúc thẩm đã được khắc phục trả cho bị hại xong, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H giảm hình phạt cho bị cáo, phạt bị cáo H từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên với bị cáo Bùi Đăng G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về hình thức:** Đơn kháng cáo của bị cáo, là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

**[2] Về nội dung:** Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Biết bồi đắp của mình đi nằm viện, không có ai ở nhà nên ngày 31/8/2020, Lê Thu H đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bố mình trong kết sắt, Hà nói chuyện với Bùi Đăng G và được G hướng dẫn cách phá kết sắt của nhà H để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lê Thu H đã lén lút cạy phá kết của nhà mình ở thôn N, xã K, huyện T, TP.Hà Nội, lấy được tổng số tiền là 23.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng có hình mặt tượng phật màu đỏ có giá trị là 30.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng, 01 lắc vòng tay vàng, 01 đôi hoa tai kèm 01 đôi nụ hoa vàng, 01 dây chuyền vàng có tổng giá trị là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền và giá trị tài sản H đã trộm cắp được là 83.030.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Thu H và Bùi Đăng G đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội danh như trên là có căn cứ đúng pháp luật.

**[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Lợi dụng chủ sở hữu tài sản là bồi đắp và là bà nội không có nhà bị cáo H cùng bạn là G lén lút chiếm

đoạt tài sản sản để tiêu sài cá nhân tổng tài sản trộm cắp được là 83.030.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Thu H chưa có tiền án, tiền sự quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải Hnh vi phạm tội, tài sản bị chiếm đoạt được thu hồi một phần để trả cho người bị hại, tuổi đời còn trẻ, bố mẹ ly hôn từ khi còn nhỏ, bản thân thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ

- Tại cấp sơ thẩm bị cáo Bùi Đăng G đã tự giác nộp lại số tiền 26. 200. 000 đồng để trả lại bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn bản thân là lao động chính trong gia đình, có ông nội là liệt sỹ Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ Hnh vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại là ông Lê Xuân L và Bà Lê Thị C có mặt xin giảm hình phạt cho bị cáo H ( Bút lục 298) nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại xác nhận số tiền 19.500.000đ trước khi xét xử phúc thẩm mẹ đẻ bị cáo H ( do bố mẹ H đã ly hôn) đã được khắc phục trả cho bị hại xong đề nghị Tòa án ghi nhận và xin giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1 ( đối với bị cáo H) và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thực sự ăn năn hối cải, bị cáo H nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly xã hội, áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo Lê Thị H được hưởng án treo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết chấp hành pháp luật.

Đối với bị cáo Bùi Đăng G có nhân thân xấu, khi bị cáo H nói chuyện trộm cắp tài sản của bố không can ngăn sau đó còn liên lạc với H qua ứng dụng tin nhắn trên Facebook hướng dẫn H thực hiện phá kết sắt, cùng sử dụng tiền do H trộm cắp nên cần thiết phải cách ly xã hội để giáo dục bị cáo trở thành công dân biết chấp hành pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và nộp tài liệu xác nhận bố bị cáo đã chết, mẹ bị cáo và e gái bị cáo bị bệnh thần kinh đang ở với bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần

giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo G.

**Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm:**

Về hình phạt: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H, sửa hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS. Điểm b khoản 1 Điều 355 điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo G, sửa hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên giảm hình phạt cho bị cáo G theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS. Điểm b khoản 1 Điều 355 điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Lê Thu H đã bồi thường cho ông Lê Xuân L và bà Lê Thị C xong số tiền 19.500.000đ

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm:* Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

**Vì các lý trên:**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.Căn cứ:** Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thu H và Bùi Đăng G.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2021/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, THnh phố H Nội về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự và điều luật áp dụng.

**Căn cứ:** Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

**Phạt:** Bị cáo Lê Thu H 20 tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 40 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trả tự do cho bị cáo Lê Thu H tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện T, THnh phố H Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách của án treo trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi Hnh án hình sự.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.*

Phạt: Bị cáo Bùi Đăng G 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/9/2020 đến ngày 25/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Lê Thu H đã bồi thường cho ông Lê Xuân L và bà Lê Thị C xong số tiền 19.500.000đ theo bản án sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, nên không phải thi Hnh nữa.

**2. Án phí hình sự phúc thẩm:** Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại H Nội;
- VKSND TP. H Nội;
- Công an TP. H Nội;
- Chi cục T.H.A. DS H. Thanh Oai;
- TAND H. Thanh Oai;
- Trại tạm giam.
- Sở Tư pháp TP H Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**VŨ THỊ THU THỦY**